

Lý thuyết xã hội học trong nghiên cứu tôn giáo

Phạm Minh Anh*

Tóm tắt: Xã hội học tôn giáo sử dụng các công cụ và phương pháp xã hội học để nghiên cứu những tác động qua lại giữa tôn giáo và xã hội. Một trong những công cụ rất quan trọng là xây dựng và sử dụng lý thuyết cho hoạt động nghiên cứu. Bài viết giới thiệu 5 lý thuyết xã hội học và việc vận dụng các lý thuyết này trong nghiên cứu tôn giáo hiện nay, bao gồm: thuyết cấu trúc chức năng, thuyết mâu thuẫn, thuyết trao đổi, lý thuyết phân tích văn hóa và vùng văn hóa, thuyết tương tác biểu trưng.

Từ khóa: Tôn giáo; lý thuyết; xã hội học.

1. Mở đầu

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội được nhiều khoa học quan tâm nghiên cứu, trong đó có xã hội học. Mặc dù là một khoa học khá mới mẻ nhưng xã hội học đã kế thừa, tạo lập và phát triển một hệ thống lý thuyết khá đồ sộ để nghiên cứu các hiện tượng xã hội, trong đó có hiện tượng tôn giáo. Mỗi lý thuyết có một cách tiếp cận khác nhau để xem xét, giải thích, khám phá về hiện tượng tôn giáo.

2. Lý thuyết cấu trúc - chức năng

Lý thuyết cấu trúc - chức năng gắn liền với tên tuổi của các nhà xã hội học nổi tiếng như A.Comte (1798 - 1857), H.Spencer (1820-1903), E.Durkheim (1858 - 1917), T.Parsons (1902 - 1979), R.Merton (1910 - 2003), P.Blau (1918 - 2002)... Họ coi xã hội như một sinh thể hữu cơ đặc biệt với hệ thống gồm các thành phần có những chức năng nhất định tạo thành cấu trúc ổn định. Lý thuyết cấu trúc - chức năng cho rằng: (1) mọi hệ thống đều bao gồm các yếu tố có quan hệ chặt chẽ với nhau và mạng lưới các mối quan hệ đó tạo thành cấu trúc của hệ

thống; (2) mỗi yếu tố của hệ thống, đến lượt nó, đều có thể là một hệ thống con (tiểu hệ thống) và dưới tiểu hệ thống lại có thể có những hệ thống nhỏ hơn nữa và (3) mọi hệ thống đều có quan hệ mật thiết với môi trường cảnh quan xung quanh chúng. Các tác giả của thuyết chức năng đều nhấn mạnh tính liên kết chặt chẽ của các bộ phận cấu thành nên một chỉnh thể mà từng bộ phận có chức năng nhất định, góp phần đảm bảo sự tồn tại của chỉnh thể đó với tư cách là một cấu trúc tương đối ổn định, bền vững. Sự biến đổi chức năng của các bộ phận sẽ kéo theo sự biến đổi cấu trúc của cả chỉnh thể xã hội. Thuyết cấu trúc - chức năng không chỉ lý giải và đưa ra cách giải quyết các chức năng tích cực mà cả các mặt tiêu cực của nó. Ngoài ra nó còn tập trung vào sự cân bằng giữa các chức năng và phi chức năng cũng như nhấn mạnh vai trò của trạng thái cân bằng động trong sự biến đổi cấu trúc xã hội.

(*) Tiến sĩ, Viện Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. ĐT: 0903228412.
Email: phamminhanh@gmail.com

Vận dụng quan điểm lý thuyết này, các nhà nghiên cứu cho rằng sự tồn tại của tôn giáo trong xã hội chứng tỏ nó có vai trò và chức năng nhất định. Ví dụ như tôn giáo góp phần duy trì sự thống nhất đạo đức trong xã hội, tạo ra sự đoàn kết xã hội giữa cá nhân dựa trên nền tảng niềm tin và thực hành niềm tin tôn giáo, củng cố niềm tin và tăng cường gắn bó, quyết tâm của các cá nhân trong xã hội. Mọi tôn giáo xét cho cùng cũng là sản phẩm của lịch sử xã hội, của mối tương tác và hoạt động cộng đồng. Những nghi lễ tôn giáo góp phần củng cố sự đoàn kết giữa các thành viên trong một xã hội: chúng chỉ ra cho các thành viên thấy rằng tất cả họ là phần tử của cùng một xã hội, cùng có chung những quy tắc cơ bản về đạo đức, mong đợi và trách nhiệm. Chức năng đích thực của tôn giáo là gắn kết cá nhân và nhóm xã hội - đoàn kết cộng đồng dựa trên nền tảng niềm tin tôn giáo, làm cho họ hoạt động một cách tự tin và giúp cho họ sống theo quan niệm của họ. Nhờ có tôn giáo với tư cách là một thể thống nhất bao gồm các niềm tin và các thực hành nghi lễ tạo thành một *cộng đồng đạo đức* riêng gọi là “giáo hội”. Các cá nhân theo tôn giáo đó cảm thấy có sức mạnh và tìm cách vượt qua những khó khăn của cuộc sống, cho dù nhiều khi cách thức hành động của họ chỉ giới hạn trong phạm vi tinh thần, ý thức. Nhờ tôn giáo mà họ có đức tin, có niềm tin vào một sức mạnh vô hình, siêu tự nhiên.

Nghiên cứu tôn giáo dưới cách tiếp cận của lý thuyết cấu trúc - chức năng sẽ thấy rõ tôn giáo là một tiểu hệ thống trong hệ thống xã hội, bao gồm các thành phần bên ngoài của tôn giáo như loại hình tôn giáo, hệ thống tôn giáo, các tôn giáo (*cái tôn giáo*) và thành phần bên trong của mỗi tôn giáo

như thành phần xã hội, giai cấp, dân tộc được tập hợp, liên kết với nhau dựa trên nền tảng niềm tin và thực hành niềm tin tôn giáo, được vận hành thông qua các thiết chế của nó, giữa các yếu tố này cũng tạo thành một cấu trúc có quan hệ với môi trường xung quanh. Theo cách tiếp cận này, một mặt sẽ thấy được toàn bộ hệ thống tôn giáo, mặt khác, trong từng tôn giáo cụ thể sẽ thấy được các bộ phận, chi tiết, cũng như sự tương tác giữa chúng trong mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Chẳng hạn như đạo Công giáo là một tôn giáo có hệ thống tổ chức chặt chẽ, thống nhất trên phạm vi toàn cầu, có hệ thống phẩm trật được phân thành thứ bậc trên dưới rõ ràng có tính thần quyền cao. Hệ thống này gồm ba cấp hành chính đạo chính thức, cao nhất là Tòa Thánh Vatican do Giáo hoàng đứng đầu lãnh đạo hệ thống Công giáo toàn cầu, tiếp đến là giáo phận hay giáo hội địa phương do giám mục được giáo hoàng bổ nhiệm cai quản, giáo hội cơ sở là giáo xứ do linh mục chính xứ được giám mục bổ nhiệm coi sóc. Ở Việt Nam, trong mỗi giáo xứ thường phân thành giáo họ hay họ tạo đan lồng vào các thôn xóm, làng xã Công giáo. Ngoài ra, mỗi xứ, họ đạo còn có hệ thống hội đoàn rất đa dạng, phong phú. Với hệ thống ấy, Công giáo đã thành một mạng lưới xã hội bền chặt với những thiết chế tương ứng của nó. Mỗi thành tố trong hệ thống ấy (họ đạo, xứ đạo, hội đoàn...) có chức năng riêng theo giáo luật quy định, chúng tác động, chi phối lẫn nhau và tác động đến các thiết chế xã hội khác.

3. Lý thuyết mâu thuẫn (thuyết xung đột)

Tên tuổi lớn nhất của trường phái lý thuyết này chính là K.Marx (1818 - 1883) và F.Engels (1820 - 1895). Lý thuyết mâu

thuần nhân mạnh sự mâu thuẫn, xung đột và biến đổi xã hội. Luận điểm gốc của thuyết này là: sự khan hiếm nguồn lực, bất bình đẳng trong phân bổ nguồn lực, quyền lực và sự phân công lao động nên quan hệ giữa các cá nhân, nhóm xã hội luôn trong trạng thái mâu thuẫn, cạnh tranh, xung đột lẫn nhau. Theo K.Marx và F.Engels, toàn bộ sự phát triển xã hội từ buổi đầu văn minh đến nay diễn ra trong sự mâu thuẫn thường xuyên và chính sự mâu thuẫn, đấu tranh là nguồn gốc, động lực của sự biến đổi, phát triển xã hội. Tôn giáo như là một hiện tượng xã hội phức tạp, đa dạng, gắn liền với những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Bản chất của tôn giáo có tính chất hai mặt, vừa là biểu hiện của thế giới hiện thực vừa là sự phản kháng chống lại thế giới đó. Ông viết “Sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực, vừa là sự phản kháng chống lại sự nghèo nàn hiện thực ấy” [1, tr.570].

Sau K.Marx và F.Engels, các nhà xã hội học cũng đưa ra những chiều kích khác nhau về mâu thuẫn, xung đột. Trong tác phẩm “*Các chức năng của xung đột xã hội*”, L.Coser đã phân tích, lý giải nguồn gốc, nguyên nhân phát sinh xung đột xã hội từ các trạng thái căng thẳng giữa các cá nhân. R.Dahrendorf trong “*Mô hình xung đột xã hội*” đưa ra mô hình và sự cần thiết quản lý, giải tỏa xung đột xã hội. Ông cho rằng mâu thuẫn, xung đột xã hội có chức năng tăng cường tính thích ứng của tổ chức xã hội, bảo đảm tính liên tục của xã hội. Xung đột xã hội có thể đem lại những sự thay đổi tiến bộ cho xã hội.

Lý thuyết mâu thuẫn nhìn nhận xã hội - tôn giáo về cơ bản luôn có sự chia rẽ, mâu thuẫn và xung đột giữa các cá nhân hoặc

nhóm xã hội - tôn giáo khác nhau. Mâu thuẫn là một hiện tượng không thể tránh khỏi trong đời sống xã hội, là thuộc tính vốn có của quá trình phát triển. Nắm được quy luật, giải quyết, giải tỏa và quản lý xung đột xã hội - tôn giáo theo xu hướng phát triển khách quan thì mâu thuẫn, xung đột xã hội - tôn giáo không sinh ra những điểm nóng tôn giáo hoặc điểm nóng chính trị, xã hội - tôn giáo.

Có nhiều loại mâu thuẫn xã hội, có mâu thuẫn đối kháng và mâu thuẫn không đối kháng. Tuy các nhà xã hội học chưa đưa ra khái niệm mâu thuẫn xã hội - tôn giáo, nhưng dựa vào lý thuyết mâu thuẫn, có thể khẳng định mâu thuẫn xã hội - tôn giáo là một dạng mâu thuẫn xã hội. Song, đây là một loại hình mâu thuẫn tổng hợp, phức tạp với những loại hình như: mâu thuẫn giữa tôn giáo với tôn giáo (đây là loại mâu thuẫn phức tạp nhất, bởi nó liên quan đến đức tin tôn giáo); mâu thuẫn giữa tôn giáo với các thể chế chính trị (thuộc loại mâu thuẫn ý thức hệ); mâu thuẫn trong nội bộ tôn giáo (mâu thuẫn lợi ích); mâu thuẫn giữa tôn giáo với văn hóa và mâu thuẫn giữa tôn giáo với xã hội (phong hóa, phong tục, đạo đức, lối sống). Hai loại hình sau thường xảy ra gần việc truyền giáo dẫn đến việc chuyển đạo, đổi đạo.

Mâu thuẫn tôn giáo ở đây được nhìn theo cả chiều cạnh tích cực và tiêu cực. Tiêu cực là chống lại những giá trị khác nó để xác lập giá trị của nó, nghĩa là phủ nhận sạch trơn.

4. Lý thuyết trao đổi xã hội

Những nhà lý thuyết tiêu biểu của thuyết trao đổi như Adam Smith (1723 - 1790), David Ricardo (1772 - 1823), John Stuart

Mill (1806 - 1873), James George Frazer (1854 - 1941), Bronisław Malinowski (1884 - 1942), Claude Lévi Strauss (1908 - 2009)... cho rằng con người có tính duy lý khi tìm cách tối đa hóa lợi ích của họ từ những giao dịch hay trao đổi với người khác trong nền kinh tế thị trường tự do và cạnh tranh. Lý thuyết trao đổi dựa trên một số giả định chính như sự tính toán của chủ thể hành động về mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí khi thực hiện hành động. Các chủ thể luôn cố gắng để có được lợi ích nhiều nhất với chi phí nhỏ nhất khi hành động. Sự trao đổi không chỉ bao gồm các nguồn lực vật chất mà còn cả các yếu tố cảm xúc, tinh thần, biểu trưng...

Lý thuyết trao đổi này đã được nhiều nhà nghiên cứu tôn giáo vận dụng khi nghiên cứu các hiện tượng tôn giáo. Đầu tiên, James George Frazer đã nhận thấy có sự trao đổi trong nghi lễ thờ cúng các vị thần thực vật và nông nghiệp trên thế giới. Người ta đã thực hiện việc hiến tế một vật hoặc một con vật gì đó biểu trưng cho các vị thần và tin rằng nhờ đó các vị thần sẽ phù hộ mùa màng của họ được mưa thuận gió hòa.

Tiếp theo Frazer, Malinowski nhận thấy mối liên hệ giữa những trao đổi vật chất và những trao đổi tượng trưng khi nghiên cứu cấu trúc hệ thống trao đổi làm cơ sở cho đời sống kinh tế của những người dân ở đảo Trobriand - đó là *Kula King*. Kula king vốn là một hệ thống trao đổi vòng tròn về những đồ vật như vòng tay và vòng cổ. Theo Malinowski, Kula là một hệ thống liên kết mọi người với nhau, đó là một hình thức trao đổi xã hội - tôn giáo [6, tr.125].

Phát triển và vận dụng lý thuyết này, Claude Lévi Strauss cho rằng “tôn giáo chiếm một vị trí căn bản trong các quá trình này (trao đổi xã hội) vì nó góp phần thiêng liêng hóa những chủ định đạo đức - luân lý của những trao đổi xã hội và làm cho chúng trở thành hiển nhiên” [6, tr.126].

Các nhà xã hội học như Rodney Stark (sinh 1934) và William Sims Bainbridge (sinh 1940) khi vận dụng lý thuyết trao đổi vào nghiên cứu tôn giáo đã cho rằng tôn giáo là nhằm thỏa mãn những ước muốn, hay chúng đưa ra những phần thưởng bảo đảm. Các phần thưởng có thể là các sự vật cụ thể nhưng cũng có thể không tồn tại. Hai nhà xã hội học này nhận thấy rằng trong cuộc sống có những sự tước đoạt hoặc có những cái con người ao ước mà không thể thỏa mãn bằng các phương tiện trần tục. Do đó, tôn giáo là một nỗ lực để đảm bảo cho các phần thưởng của con người thêm phần thỏa mãn. Tôn giáo giải thích cho con người về các phần thưởng, lý do và cách thức có được phần thưởng cũng như chi phí phải bỏ ra để đạt được phần thưởng đó.

Stark và Bainbridge đã chỉ ra rằng tôn giáo đem lại cho con người một sự đền bù. Bởi có những phần thưởng và mong ước của con người là không thể có được hoặc thậm chí không tồn tại, trong trường hợp đó tôn giáo giải thích rằng con người có thể đạt được điều đó trong một tương lai xa hoặc trong một bối cảnh nào đó không giải thích được. Những sự đền bù thường là những hứa hẹn rất chung và liên quan tới những cái siêu tự nhiên. Tôn giáo đã đem lại cho con người một tập hợp các niềm tin về cách đạt được những phần thưởng chung nhất cũng như tập hợp sự đền bù cho các khả

năng hay các phần thưởng chưa thể đạt được. Stark và Bainbridge xem các chuyên gia tôn giáo và các tổ chức tôn giáo như các phần thưởng trao đổi, những cách giải thích và các nhân tố đền bù với người khác. Các chuyên gia tôn giáo như các thầy tu, là trung gian giữa thượng đế và con người, truyền đạt với con người cái mà thượng đế muốn ở họ và phần thưởng hay những sự đền bù mà thượng đế sẽ hoàn lại cho con người. Theo cách đó, các thầy tu và các tổ chức tôn giáo có một quyền lực đáng kể trong xã hội và có ảnh hưởng tới các chuẩn mực và tiêu chuẩn của hành vi [6, tr.127].

Nhìn chung, cách tiếp cận của lý thuyết trao đổi trong nghiên cứu về tôn giáo cho rằng con người tham gia vào tôn giáo tức là tham gia vào một quá trình trao đổi. Tuy nhiên, sự trao đổi này không hẳn là sự trao đổi vật chất mà là một sự trao đổi có tính “tượng trưng”. Khi tham gia vào quá trình trao đổi này, chi phí của con người có thể là hữu hình, nhưng phần thưởng thường lại vô hình như sự động viên, niềm tin, cảm giác thanh thản... sau khi tham gia các nghi lễ hay hoạt động tôn giáo.

5. Lý thuyết phân tích văn hóa và vùng văn hóa

Đại diện tiêu biểu cho trường phái lý thuyết này là nhà xã hội học người Đức, Max Weber (1864-1920). Phạm trù quan trọng nhất của xã hội học M.Weber là “hành động xã hội”, được hiểu là những hành động mà ý nghĩa chủ quan của nó có tính đến hành động của người khác trong quá khứ, hiện tại và tương lai; ý nghĩa chủ quan đó định hướng hành động. Hành động xã hội dẫn đến biến đổi xã hội. Hành động xã hội của mỗi cá nhân, nhóm không chỉ bị

chi phối bởi các điều kiện kinh tế, chính trị, môi trường... mang tính khách quan từ bên ngoài, mà còn chịu sự chi phối của các động cơ văn hóa mang tính chủ quan từ bên trong, như tri thức, tình cảm, phong tục, tập quán, tôn giáo, những quan niệm về đúng - sai, thiện...

Như vậy, muốn nghiên cứu hành động xã hội tất yếu phải tìm hiểu các động cơ văn hóa từ bên trong của cá nhân hay nhóm để lý giải cho hành động đó. Ngược lại, căn cứ vào các kết quả của hành động xã hội người ta cũng có thể hiểu được các động cơ văn hóa đã chi phối chúng. Nói cách khác, phân tích văn hóa là để tìm ra cách thức mà các nền văn hóa chi phối hành vi của con người, trong đó có những hành vi tác động đến xã hội và tôn giáo. Việc lý giải xã hội dựa trên tư tưởng đó của M.Weber được gọi là quan điểm phân tích văn hóa.

Vận dụng lý thuyết này khi nghiên cứu tôn giáo, các nhà nghiên cứu hiểu rằng, hành động xã hội của con người chịu sự chi phối của các động cơ văn hóa mang tính chủ quan từ bên trong, như tri thức, tình cảm, phong tục, tập quán, tôn giáo, những quan niệm về đúng - sai, thiện - ác, v.v.. Vì vậy, khi nghiên cứu các hành vi tôn giáo phải tìm hiểu các động cơ văn hóa từ bên trong của cá nhân hay nhóm.

Cần lưu ý rằng, trong mỗi xã hội không chỉ có một, mà có nhiều văn hóa. Nói cách khác, bên cạnh nền văn hóa chung của quốc gia - dân tộc, trong mỗi xã hội đều có sự khác biệt về văn hóa của các vùng miền, các giai tầng và các nhóm xã hội khác nhau. Tổng hợp những đặc trưng riêng của mỗi vùng miền, giai tầng hay nhóm xã hội như thế được gọi là một tiểu vùng văn hóa. Có

thể lấy các yếu tố cấu thành xã hội - tôn giáo Việt Nam làm thí dụ: nếu xét về mặt tôn giáo, tiểu văn hóa Phật giáo khác tiểu văn hóa Công giáo, Tin Lành giáo, Hồi giáo, đạo Cao Đài, đạo Hòa Hảo. Ngay trong cùng một tôn giáo cũng có sự khác nhau giữa những tín đồ như thị dân, trí thức với tín đồ nông dân, tín đồ người Kinh và người dân tộc thiểu số v.v..

Như vậy, mỗi một giai tầng hay một nhóm xã hội đều có một tiểu văn hóa của riêng mình. Chính sự đa dạng của các tiểu văn hóa giúp chúng ta hiểu và cắt nghĩa về sự khác biệt trong quá trình biến đổi của các tôn giáo khác nhau. Quan điểm phân tích văn hóa không chỉ hướng chúng ta tới vai trò to lớn của văn hóa, mà còn cung cấp các khái niệm (như khái niệm tiểu văn hóa, động cơ văn hóa...), gợi ý các giả thuyết, để có thể đi sâu quan sát, mô tả, phân tích, lý giải sự vận động, biến đổi của tôn giáo, nhất là những cơ chế tác động tiềm ẩn của văn hóa đối với sự vận động, biến đổi đó.

Áp dụng lý thuyết phân tích văn hóa và vùng văn hóa khi nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam sẽ thấy được việc truyền giáo phát triển đạo, đặc biệt việc truyền giáo, phát triển đạo Kitô (Công giáo và Tin lành) vào vùng dân tộc thiểu số đã và đang tạo nên một làn sóng chuyển đổi đức tin diễn ra khá mạnh mẽ với việc một bộ phận không nhỏ đồng bào dân tộc đã từ bỏ đức tin, tôn giáo truyền thống của mình sang theo đạo Tin Lành hay Công giáo. Điều ấy cũng có nghĩa là đang hình thành những cộng đồng tôn giáo - tộc người mới với những nét sinh hoạt văn hóa, lối sống đạo mới.

6. Lý thuyết tương tác biểu trưng

Trường phái tương tác biểu trưng gắn liền với tên tuổi của nhà xã hội học Hoa Kỳ, George Herbert Mead (1863 - 1931) và Herbert Blumer (1900 - 1987). H. Blumer kế tục những quan điểm của Mead về tâm lý học xã hội và chính Blumer là người đã làm cho các quan điểm của Mead mang tính xã hội học hơn, đã đem chúng ra khỏi truyền thống triết học và biến chúng thành một xu hướng chủ đạo của xã hội học. Thuật ngữ “tương tác biểu trưng” do chính H. Blumer đặt ra vào năm 1937. Blumer nhấn mạnh: *Thứ nhất*, con người đối xử với sự vật trên cơ sở những ý nghĩa mà sự vật đó đem lại. Luận điểm này nhấn mạnh vai trò tiên quyết của việc giải nghĩa hay nắm bắt ý nghĩa của sự vật đối với hành động của con người. Việc giải nghĩa sự vật được hiểu là việc tách sự vật đó ra khỏi môi trường của nó, gán cho nó một ý nghĩa nhất định và dựa vào sự giải nghĩa đó mà chủ thể ra quyết định hành động. *Thứ hai*, ý nghĩa của sự vật nảy sinh từ mối tương tác xã hội giữa các cá nhân. Luận điểm này nhấn mạnh nguồn gốc xã hội của ý nghĩa, rằng bản thân sự vật vốn không có ý nghĩa mà chính con người trong quá trình tương tác với nhau đã gán cho mỗi sự vật một ý nghĩa nhất định. Như vậy ý nghĩa của sự vật là một sản phẩm xã hội, sản phẩm của hành động và tương tác cá nhân. *Thứ ba*, ý nghĩa của sự vật được nắm bắt và được điều chỉnh qua cơ chế lý giải mà cá nhân sử dụng khi tiếp cận sự vật. Luận điểm này nhấn mạnh vai trò quan trọng của quá trình tự lý giải ý nghĩa đối với hành động của con người. Do vậy trong quá trình tương tác biểu trưng các

cá nhân không những giải nghĩa hành vi của nhau mà còn tự đặt mình vào vị trí của người khác để hiểu được ý nghĩa hành động của nhau [8, tr.337].

Để nhận thức rõ về hiện tượng xã hội này. Các nhà xã hội học bên cạnh các phương pháp nghiên cứu đặc thù cũng đã vận dụng, phát triển khá nhiều lý thuyết khác nhau để có thể tiếp cận gần hơn, hiểu rõ hơn nguồn gốc, đặc tính, quy luật vận động, ý nghĩa, chức năng và vai trò của tôn giáo Từ góc độ trường phái tương tác biểu trưng, vấn đề tôn giáo được xem xét phân tích ở những khía cạnh như: khía cạnh vi mô của mối quan hệ giữa tôn giáo và xã hội; vai trò và ý nghĩa của tôn giáo trong đời sống hàng ngày và những cách con người giải thích về tôn giáo; các niềm tin và thực hành tôn giáo không phải là cái thiêng nếu bản thân chúng ta không quan niệm chúng là cái thiêng, có ý nghĩa thiêng; khi quan niệm niềm tin và thực hành là cái thiêng, chúng có ý nghĩa đặc biệt và cung cấp ý nghĩa cho cuộc sống của chúng ta; nghiên cứu những cách thức con người tương tác với niềm tin và tương tác với nhau trong không gian tôn giáo; giải thích như thế nào và tại sao niềm tin và thực hành tôn giáo có tác động tích cực với trạng thái tinh thần và thể chất của con người. Áp dụng lý thuyết tương tác biểu trưng vào nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam để thấy rõ vai trò của tôn giáo đối với xã hội, từ đó tìm ra các giải pháp để phát huy nguồn lực xã hội to lớn này trong phát triển đất nước.

7. Kết luận

Như vậy, vì tính đa phức của tôn giáo nên cần có nhiều cách tiếp cận khác nhau

trong đời sống xã hội. Trên thực tế, còn nhiều trường phái lý thuyết, với các cấp độ phát triển khác nhau đã được các nhà xã hội học vận dụng khi nghiên cứu tôn giáo. Tuy nhiên, do giới hạn của khuôn khổ bài viết nên chỉ có năm trường phái lý thuyết, cũng như rất ít các lý thuyết gia tiêu biểu nêu trên được đề cập và giới thiệu.

Tài liệu tham khảo

- [1] C. Mác-Ph.Ăngghen, (1995) *Toàn tập*, t.1 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Vũ Dũng (1998), *Tâm lý học tôn giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Emile Durkheim, (2006). *Tôn giáo như là một biểu trưng tập thể*, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, *Những vấn đề nhân học về tôn giáo*. Nxb Đà Nẵng.
- [4] Marguerite - Marie Thiollier (2001) *Từ điển tôn giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Olivier Bobineau, Sébastien Tank-Storpe (2012), *Xã hội học tôn giáo*, Nxb Thế giới.
- [6] Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2014), *Chương trình đào tạo Thạc sĩ Xã hội học*.
- [7] Đỗ Minh Hợp (Chủ biên) (2006). *Tôn giáo học nhập môn*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [8] Lê Ngọc Hùng (2008) *Lịch sử và lý thuyết Xã hội học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Hoàng Thu Hương (2011), “Tôn giáo và những hình thức tôn giáo trong đời sống hiện đại từ cách tiếp cận xã hội học”, *Tạp chí Xã hội học*, số 3.
- [10] Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Viện Nghiên cứu tôn giáo (1994), *Về tôn giáo t.1*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

